TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1259/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 697/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đỗ Quốc T, sinh năm 1980.

Căn cước công dân: 079080017226 do Cục trưởng Cục C cấp ngày 01/5/2021.

Địa chỉ thường trú: B, khu phố A, phường Đ (phường Đ, quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Xuân T1, sinh năm 1984.

Căn cước công dân: 079184006712 do Bộ C1 cấp ngày 03/9/2024.

Địa chỉ thường trú: 134/99 đường D, khu phố A, phường T (phường T, quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Đỗ Quốc T và bà Nguyễn Thị Xuân T1 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), cấp ngày 28/9/2011.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 15/9/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/11/2025; ông Đỗ Quốc T và bà Nguyễn Thị Xuân T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Ông T và bà T1 thỏa thuận giao 02 con chung tên Đỗ Bích P, sinh ngày 11/7/2012 và Đỗ Thanh V, sinh ngày 23/10/2013 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T và bà T1 tự thỏa thuận không yêu cầu ông T cấp dưỡng; về tài sản chung: ông T và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không có nghĩa vụ dân sự khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Đỗ Quốc T và bà Nguyễn Thị Xuân T1 tự nguyện ly hôn và thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 19/11/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Quốc T và bà Nguyễn Thị Xuân T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), cấp ngày 28/9/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung tên Đỗ Bích P, sinh ngày 11/7/2012 và Đỗ Thanh V sinh ngày 23/10/2013 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T và bà T1 thống nhất không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà T1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không có nghĩa vụ dân sự khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận ly hôn là 300.000 đồng, ông T và bà T1 phải nộp toàn bộ lệ phí nên được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông T và bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0023816 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- UBND phường Đ (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2011 ngày 28/9/2011);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo